TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 295/2018/HS-PT
Ngày 06/6/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Chánh Trung
Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương
Ông Trần Văn Mười

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 194/2017/TLPT-HS ngày 08 tháng 5 năm 2017 đối với các bị cáo Vũ Xuân N, Lê Đức T, Nguyễn Thế M và Đào MH, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2017/HS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo:

1. Vũ Xuân N; giới tính: Nam; sinh ngày 07/3/1978 tại Hải Dương; nơi đăng ký thường trú: thôn H, xã H1, huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú trước khi bị bắt: lô A chung cư M, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không có); nghề nghiệp: buôn bán quần áo; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Vũ Xuân T1 và bà Nguyễn Thị T2; hoàn cảnh gia đình: vợ tên Vi Thị H1, có hai con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: (không có); Bắt, tạm giam: 29/10/2014 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo N: Luật sư Trịnh Bá T3 – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Lê Đức T; giới tính: Nam, sinh năm 1970 tại Hải Dương; nơi đăng ký thường trú: xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; những nơi đã cư trú trước khi bị bắt: đường D, phường X1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Khu phố X,

phường H quận T; Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không có); nghề nghiệp: (không có); trình độ văn hóa: 7/12; con ông Lê Đức C (chết) và bà Phạm Thị M (chết), mẹ kế tên Lê Thị G; hoàn cảnh gia đình: vợ tên Nguyễn Thị T4, đã ly hôn, có hai con, lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: (không có); Nhân thân: Năm 2012 đi cai nghiện ma túy tự nguyện tại Trung tâm lao động thương binh xã hội tỉnh Hải Dương, đến tháng 6/2014 về địa phương; Bắt tạm giam: 28/10/2014; (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo T: Luật sư Đỗ Ngọc O – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Nguyễn Thế M; giới tính: Nam; sinh ngày 12/07/1973 tại tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký thường trú: thôn T, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú trước khi bị bắt: đường N, Phường X2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không có); nghề nghiệp: bán quán cà phê; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Nguyễn Xuân K và bà Dương Thị O1; hoàn cảnh gia đình: vợ tên Lê Thị D, đã ly hôn, có hai con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2003;

Tiền án: Ngày 23/9/2011, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 1 năm 6 tháng tù về tội "Đánh bạc" (bản án hình sự phúc thẩm số 191/2011/HSPT); ngay 09/9/2011, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 1 năm tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" và 1 năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" (bản án số 283/2011/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/11/2012;

Bắt tạm giam: 28/10/2014; (có mặt)

4. Đào MH; tên gọi khác: H "trụ"; giới tính: Nam; sinh năm 1970 tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký thường trú: đường T, phường N, thành phố N1, tỉnh Nam Định; nơi cư trú trước khi bị bắt: khu phố X2, đường Y (nay là đường P), Phường X3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không có); nghề nghiệp: buôn bán quần áo; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Đào Trọng X và bà Đinh Thị T5; hoàn cảnh gia đình: vợ tên Ngô Bích T6, đã ly hôn, có hai con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 2002.

Tiền án, tiền sự: (không có); Tạm giam: 29/10/2014; (có mặt)

Người bào chữa cho các bị cáo M, H: Luật sư Trịnh Bá T3 – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Hà Ngọc O2, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lúc 19 giờ 20 phút ngày 28/10/2014, tại ngã tư Bạch Đằng - Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, quận Bình Thạnh, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện bắt quả tang Lê Đức T và Hà Ngọc O2 đang có hành vi mang ma túy đi bán, thu giữ trong nón bảo hiểm màu nâu do Lê Đức T

đang đội 989 viên nén tròn màu hồng và 11 viên nén tròn màu xanh, qua giám định có MA, cân nặng 91,9679g. Khám xét khẩn cấp nơi ở của T và O2 tại nhà số 9, đường Diên Hồng, Phường 1, quận Bình Thạnh phát hiện thu giữ 18 gói nylon chứa tinh thể màu trắng, qua giám định có MA, cân nặng 619,5382g; khám xét khẩn cấp nơi ở khác của T và O2 tại nhà số 78/16 đường số 6, Khu phố 2, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức phát hiện thu giữ 1 xô nhựa màu xanh bên trong có 5 bịch nylon chứa tinh thể màu trắng, qua giám định có MA, cân nặng 2.940,44g (Kết luận giám định số 1916/KLGĐ-H ngày 28/11/2014 và 1917/KLGĐ-H ngày 28/11/2014 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh) (Bl số 104-105; 180-183).

Lúc 19 giờ 30 phút ngày 28/10/2014, tại ngã ba Phan Đăng Lưu - Lam Sơn, Phường 5, quận Bình Thạnh, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Đội Tuần tra Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ phát hiện bắt quả tang Nguyễn Thế M đang trên đường đi bán ma túy, thu giữ của M2 gói nylon bên trong chứa tinh thể không màu, qua giám định có MA, cân nặng 99,8200g; khám xét khẩn cấp nơi ở của Mtại số 01 đường Nguyễn Hiến Lê, Phường 13, quận Tân Bình, phát hiện thu giữ 1 gói nylon chứa tinh thể rắn không màu, qua giám định có MA, cân nặng 9,7708g (Kết luận giám định số 1918/KLGĐ-H ngày 12/01/2015 và 1919/KLGĐ-H ngày 28/11/2014 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh) (Bl số 106-107; 287-290).

Lúc 12 giờ ngày 29/10/2014, tại phòng 9.4 Lô A, chung cư Mỹ Phước, Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng CSĐT tội phạm về ma túy Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Công an phường 2 quận Bình Thạnh phát hiện bắt quả tang Vũ Xuân N, đang có hành vi tàng trữ ma túy để bán, thu tại nơi ở của N 01 gói nylon bên trong chứa tinh thể không màu, kết quả giám định có MA, cân nặng 232,70g (Kết luận giám định số 1921/KLGĐ-H ngày 28/11/2014 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh) (Bl số 109; 254-255).

Lúc 22 giờ ngày 29/10/2014, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt khẩn cấp Đào M H về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, khám xét khẩn cấp nơi ở của H tại 237/98/5 Tổ 16, Khu phố 2, Đường 57, Phường 14, quận Gò vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, phát hiện thu giữ 03 gói nylon chứa tinh thể không màu và 01 gói nylon chứa tinh thể màu hồng, kết quả giám định có MA, cân nặng 76,5208g, 02 gói nylon chứa chất bột màu trắng, kết quả giám định có heroine, cân nặng 22,6982 g, 03 gói nylon chứa chất bột màu đen, kết quả giám định là cần sa, cân nặng 6,5345g (Kết luận giám định số 1923/KLGĐ-H ngày 11/11/2014 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh) (Bl số 110).

Quá trình điều tra, các bị can khai nhận như sau:

-Lê Đức T khai T bắt đầu mua bán ma túy từ giữa tháng 9/2014, nguồn ma

túy T mua của Vũ Xuân N 3 lần, cụ thể: Lần thứ nhất vào ngày 15/9/2014, tại nhà thuê cũ của T ở chung cư Phạm Viết Chánh, đường Nguyễn Hữu Cảnh, T mua của N 500g ma túy đá giá 250.000.000đ; lần thứ hai vào ngày 15/10/2014, T điện thoại cho N mua 700g ma túy đá giá 350.000.000đ và 50 viên ma túy tổng hợp giá 110.000đ/viên, N đến nhà thuê của T, số 9 đường Diên Hồng, quận Bình Thạnh (T mới chuyển về) giao số ma túy trên cho T và nhận tiền; lần thứ 3 vào chiều ngày 27/10/2014, N điện thoại cho T chào bán 3 kg ma túy đá, T kêu N mang đến xem hàng được thì lấy. Chiều 28/10/2014, T kêu N giao hàng tại nhà thuê của T số 9 đường Diên Hồng, quận Bình Thanh, N đồng ý và giấu số ma túy đá trong cái loa nghe nhạc và 1 hộp bánh, bên trong có 5 gói ma túy đá (3kg) và 1.000 viên ma túy tổng hợp. T kiểm tra hàng (ma túy đá) xong thấy nhạt nên chỉ mua 2 kg giá 1.000.000.000 đồng (trả tiền ngay) và 1.000 viên thuốc lắc, với giá 50.000.000 đồng sẽ trả tiền sau, còn 1 kg N gửi T bán giùm khi nào bán xong sẽ trả tiền cho N sau. Số ma túy khi mua của N, T tự phân nhỏ rồi trực tiếp bán lại cho người khác hoặc nhờ O2 đi bán. Cụ thể:

-Bán cho Nguyễn Thế M 4 lần: Lần đầu vào ngày 18/10/2014, tại nhà thuê của T số 9 đường Diên Hồng, bán 5g ma túy đá giá 5.000.000đ; lần thứ hai vào ngày 20/10/2014, T nhờ O2 bán 2,5g ma túy đá giá 25.000.000đ cho M; lần ba vào ngày 24/10/2014 bán 50g ma túy đá cho M, số ma túy này M mua giùm cho một người tên M2 (bạn của M) nhưng sau đó M2 chê hàng xấu đã trả lại cho M, Mtrả lại cho T, lần cuối vào ngày 28/10/2014 T trực tiếp bán cho M l00g ma túy đá.

-Bán cho Đào Mạnh H 02 lần: Lần đầu khoảng đầu tháng 10/2014, bán 50g-ma túy đá giá 32.500.000đ; lần thứ hai vào ngày 25/10/2014 bán l00g ma túy đá với giá 70.000.000đ.

-T và O2 bán cho Phạm Quang T7 2 lần, một lần 5g ma túy tổng hợp vào ngày 25/10/2014, tại nhà số 531A đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 13 Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; một lần bán lOg ma túy đá với giá 7.000.000đ/10g;

-T và O2 bán cho Nguyễn Kim H2 30 viên ma túy tổng hợp (thuốc lắc) với giá 130.000đ/viên.

-T và O2 bán cho một người tên U (không rõ lai lịch) ở Quận 12 khoảng 4 lần mỗi lần 5g ma túy đá giá 3.500.000đ.

-T và O2 bán cho một người nữ tên T8 (không rõ lai lịch) ở Quận 4 một lần 5g ma túy đá.

-T bán cho một người tên V (không rõ lai lịch) ở Quận 1, một lần 5g ma túy đá và một lần nhờ O2 bán l0g ma túy đá. Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 28/10/2014, T mang 100 gam viên ma túy tổng hợp (thuốc lắc) cùng Hà Ngọc O2 về cất giấu để bán nhưng trên đường đi thì bị bắt, số ma túy đá còn lại chưa kịp tiêu thụ đã bị thu giữ như trên (Bl số 203-210; 229-232). Việc mua bán và cất giấu ma túy nêu trên, O2 không biết và không có tham gia. O2 chỉ là người giúp sức đi

giao ma túy và lấy tiền về cho T khi T yêu cầu.

+Hà Ngọc O2 khai bản thân đã phụ giúp T trong việc mua bán ma túy để được T cho ăn ở và chi phí sinh hoạt, như đã nêu trên. Ngày 28/10/2014, T và O2 đang trên đường đi bán ma túy thì bị bắt quả tang, thu giữ 91,9679g có MA. Do đó, O2 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số ma túy mà O2 trực tiếp bán là 135.2269g có MA (Bl số 236-241)

+Nguyễn Thế M khai M đã mua ma túy đá của T 3 lần để sử dụng và bán, cụ thể: lần đầu 5g ma túy đá với giá 5.000.000đ, lần 2 mua 2,5g ma túy đá giá 2.500.000đ, lần này O2 giao cho M, lần 3 mua 50g ma túy đá cho bạn tên M2 nhưng sau đó M2 chê hàng xấu đã trả lại M rồi M đã đưa lại cho T, lần cuối là vào ngày 28/10/2014, M mua 2 bịch ma túy đá của T (chưa trả tiền) rồi đi taxi về, lúc trên xe taxi, Mthả 2 bịch ma túy đá xuống dưới gầm ghế. Khi xe đi đến đường Phan Đăng Lưu thì bị bắt và thu giữ số ma túy như trên (Bl.302-305).

+Đào Mạnh H khai H mua ma túy của T 2 lần: Lần đầu mua 50g ma túy đá giá 32 500.000đ; lần 2 mua 100g ma túy đá với giá 70.000.000đ để bán lại cho người nghiện. Ngoài ra, cách thời điểm bị bắt khoảng 6 tháng, H mua 2 gói Heroin và 3 bịch cần sa của một người không rõ lai lịch tại khu vực ngã tư An Sương, Quận 12 để bán và sử dụng hết như đã nêu trên (B1 281- 286).

- Phạm Quang T7 khai do nghiện ma túy nên mua ma túy của T và O2 được 2 lần, một lần 5g ma túy tổng hợp và một lần l0g ma túy tổng hợp, tổng cộng là 15g ma túy tổng hợp. Số ma túy mua được T7 đã sử dụng hết. Lời khai của T7 phù hợp với lời khai của T và O2 nêu trên. Quá trình điều tra, T7 đã hợp tác với Cơ quan điều tra, khai báo thành khẩn, lạ đối tượng nghiện đã nhiều lần mua ma túy của T và O2 để sử dụng và đã sử dụng hết. Do đó, Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không truy cứu trách nhiệm hình sự và thông báo hành vi vi phạm của T7 và cho chính quyền địa phương xử lý là có cơ sở (Bl.325-320).

-Nguyễn Kim H2 (là bị can trong vụ án "Mua bán trái phép chất ma túý", (Công an Quận 3 đang thụ lý) khai nhận (thông qua bạn gái) có mua của T 30 viên ma túy tổng hợp (thuốc lắc) để bán lại kiếm lời (Bl.342-343);

-Vũ Xuân N khai từ tháng 9/2014, đến khi bị bắt, N bán ma túy cho Lê Đức T 3 lần, tổng cộng 3,2kg ma túy đá và 1.050 viên ma túy tổng hợp (MA) (lần đầu 500g, lần thứ hai 700g, lần thứ ba 2kg và 1.000 viên ma túy tổng hợp và gửi lại T lkg ma túy (MA) để T bán giùm, khi nào bán xong sẽ trả tiền cho N sau. Lời khai của N phù hợp với lời khai của T như đã nêu trên. Nguồn ma túy do N mua của một phụ nữ tên Thuý ở Khu vực Cửa khẩu Móng Cái giáp Trung Quốc. Lần thứ nhất, N mua 300g ma túy đá giá của T9 với giá 150.000.000 đồng, mua tiếp của Long cũng ở cửa khẩu Móng Cái 200 gam ma túy đá (loại đá 30) giá 40.000.000 đồng mang về nhà trộn lại rồi mang đi bán cho T 500 gam giá 250.000.000 đồng. Lần thứ hai, N mua của T9 400 gam ma túy đá giá 200.000.000 đồng và mua của Long 300 gam giá 60.000.000 đồng mang về trộn lại bán cho T 700 gam ma túy đá

với giá 350.000.000 đồng. Lần thứ ba, vào khoảng 25/10/2014, N mua của T9 2 kg ma túy đá và 1.000 viên thuốc lắc của T9, mua của Long 1,2 kg ma túy đá non mang về trộn với ma túy đá mua của T9 được 3,2 kg. N mang 3 kg ma túy vừa trộn bánh quy để đi bán cho T tại nhà thuê của T số 09 Diên Hồng, phường 1, quận Bình Thạnh, với giá 1.000.000.000 đồng và 1000 viên ma túy tổng hợp với giá 50.000.000 đồng. Do T chỉ mua 2kg ma túy đá và 1000 viên thuốc lắc nên N gửi lại cho T lkg ma túy đá nhờ T bán giúp, số ma túy còn lại là 232,70g, N để ở nhả chưa kịp bán thì bị bắt. Tổng cộng, N thu lợi từ việc bán trái phép chất ma túy là 150.000.000đ nhưng sau đó bị can xác định thu lợi 100.000.000d (Bl: 261-268; 443-444).

Đối với T9, L, U, T8, V, Minh là những đối tượng mua bán ma túy với T, N và O2, do các bị can khai không rõ lai lịch các đối tượng trên nên Cơ quan Điều tra không có cơ sở để xác minh, làm rõ để xử lý.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 107/2017/HSST ngày 24/3/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Vũ Xuân N, Lê Đức T, Hà Ngọc O2, Nguyễn Thế M và Đào Mạnh H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm e khoản 4 và khoản 5 Điều 194, điểm g khoản 1 Điều 48, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt **Vũ Xuân N** Tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2014; phạt bổ sung 100.000.000đ (một trăm triệu đồng);

Áp dụng điểm e khoản 4 và khoản 5 Điều 194, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt **Lê Đức T** tù chung thân, thời hạn tù tính từ 28/10/2014, phạt bổ sung 100.000.000d (một trăm triệu đồng).

Áp dụng điểm e khoản 3 và khoản 5 Điều 194, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt **Nguyễn Thế M** 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2014; phạt bổ sung 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng);

Áp dụng điểm h khoản 3 và khoản 5 Điều 194, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt **Đào Mạnh H** 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2014; phạt bổ sung 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng);

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm hình sự của bị cáo Hà Ngọc O2, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Tại kháng nghị số 12/KNPT-VKS-P1 ngày 05/4/2017 Viện trưởng Viện

kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án sơ thẩm theo hướng, đề nghị tăng hình phạt lên tử hình đối với hai bị cáo Vũ Xuân N, Lê Đức T.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào các ngày 24/3/2017, 28/3/2017, 05/4/2017 các bị cáo Vũ Xuân N, Lê Đức T, Nguyễn Thế M, Đào Mạnh H kháng cáo xin được giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Đức T xin rút đơn kháng cáo. Các bị cáo Vũ Xuân N, Nguyễn Thế M, Đào Mạnh H vẫn giữ y theo yêu cầu kháng cáo là xin được giảm hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên kháng nghị ngày 05/7/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xác định 2 bị cáo Vũ Xuân N, Lê Đức T đã có hành vi mua bán hơn 4kg chất Methamphetamine. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 2 bị cáo N và T mức án tù chung thân là nhẹ, không đúng theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2001/NQ-HĐTPTANDTC ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xử theo hướng tăng hình phạt đối với 2 bị cáo N và T từ tù chung thân lên án tử hình.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của 2 bị cáo còn lại là Nguyễn Thế Mvà Đào MH thì vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị bác kháng cáo của 2 bị cáo này, giữ y án sơ thẩm.

- Luật sư ông Trịnh Bá T3 bào chữa cho 3 bị cáo Vũ Xuân N, Nguyễn Thế M và Đào Mạnh H. Luật sư có đề nghị như sau: Luật sư cho rằng, giữa lời khai của bị cáo Lê Đức T với Vũ Xuân N không thống nhất về trọng lượng chất ma túy đã mua bán; kết quả giám định không đồng nhất về các chất ma túy; nên luật sư đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị cũng như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa xử tăng hình phạt đối với bị cáo Vũ Xuân N. Đồng thời luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N vì số lượng ma túy bị cáo N bị bắt quả tang là 232,7g. Bị cáo N không thừa nhận có mua bán ma túy với bị cáo T. Do đó không có căn cứ để buộc bị cáo N phải chịu trách nhiệm đối với số lượng ma túy còn lại. Còn 2 bị cáo Mvà H, luật sư cho rằng bị cáo Nguyễn Thế M chỉ mua 99,8200 gam chất ma túy theo thu giữ, số còn lại trả lại cho bị cáo T, nên đề nghị quy kết trách nhiệm hình sự cho bị cáo Mchỉ mua bán 99,8200 gam chất ma túy, còn bị cáo H thì gia đình có công với cách mạng, nên luật sư đề nghị giảm án cho 2 bị cáo M và H.

- Luật sư Đỗ Ngọc O bào chữa cho bị cáo Lê Đức T cho rằng theo tang vật vật thu giữ bị cáo T có hành vi mua bán 2.359,3044 gam là Methamphetamine, bị cáo có một người anh là liệt sỹ, một người anh thương binh bị bệnh chết, bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi xử sơ thẩm gia đình bị cáo đã nộp số tiền 100 triệu đồng tiền phạt theo án sơ thẩm, nên luật sư đề nghị không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và đề nghị của vị

đại diện Viện kiểm sát tại Tòa, giữ y mức án mà Tòa sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo T.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, luật sư, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên toà cấp phúc thẩm hôm nay bị cáo Lê Đức T xác định xin rút lại kháng cáo. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo T.

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo Vũ Xuân N, Nguyễn Thế M, Đào Mạnh H, cũng như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì thấy như sau:

- Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định bị cáo Lê Đức T có hành vi mua bán chất ma túy của Vũ Xuân N các lần như sau:

Lần đầu vào ngày 15/9/2014 mua 500 gam ma túy đá với giá 250.000.000 đồng; lần thứ 2 vào ngày 15/10/2014 mua 700 gam ma túy đá với giá 350.000.000 đồng, 50 viên thuốc ma túy tổng hợp giá 110.000 đồng/1 viên; lần thứ 3 chiều ngày 27/10/2014 N đem 3 kg ma túy đá bán cho T tại nhà thuê của T đường số 9 Diên Hồng, T kiểm tra chất lượng và mua 2 kg với giá 1.000.000.000 đồng, còn lại 1 kg N gửi T bán dùm và mua 1.000 viên thuốc lắc có khối lượng là 91,9679 gam (cộng 500 + 700 + 3000 + 91,9679 = 4.291,9679 gam). Cáo trạng Viện kiểm sát quy kết bị cáo T có hành vi mua bán các chất ma túy = 4.232,4078 gam là Methamphetamine chưa giám định hàm lượng theo kết quả bắt thu giữ của bị cáo T và bị cáo Hà Ngọc O2 qua giám định như sau:

Khối lượng	%	Hàm lượng
- 90,9453 gam x	15,33%	= 13,9419 gam MA
- 1,0225 gam x	15,23%	= 0,1557 gam MA
- 549,74 gam x	71,54%	= 393,283 gam MA
- 69,7982 gam x	67,49%	= 47,1068 gam MA
-2.940,44 gam x	64,78%	= 1.904,8170 gam MA

Tổng khối lượng bằng 3.651,946 gam MA với tinh chất là 2.359,3044 gam MA.

Ngoài tang vật bắt giữ của Nguyễn Đức T, Hà Ngọc O2 như trên, theo T khai T còn bán cho Nguyễn MH 4 lần bằng 157,32 gam. Khi bắt thu giữ của Nguyễn Thế M là 99,8200 gam giám định ngày 06/12/2017 có hàm lượng 71,01% = 70,8821 gam là MA; T bán cho Đào MH 2 lần = 150 gam khi bắt H thu giữ 76,520 gam giám định ngày 06/12/2017 có hàm lượng trung bình 70,0733 % = 53,620 gam là MA tinh chất.

Như vậy đối với bị cáo Lê Đức T có hành vi mua bán chất ma túy trên cơ sở thu giữ của bị cáo 3.651,946 gam, thu giữ của bị cáo M99,8200 gam, thu giữ của bị cáo H 76,520 gam cộng lại = 3.828,286 gam có tinh chất qua giám định bằng 2.483,8175 gam (là methamphetamine) chưa kể số lượng mà bị cáo Mđã bán 57,5 gam, bị cáo H đã bán 73,84 gam, có nguồn gốc từ bị cáo T bán lại cho Mvà H và chưa kể số lượng mà bị cáo T, O2 bán cho Phạm Quang T7 15 gam, bán cho Nguyễn Kim H3 30 viên thuốc ma túy tổng hợp mà bán cho một số con nghiện khác như U, T8, V…. nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy kết bị cáo Lê Đức T có hành vi mua bán đến 4.232,4079 gam chất Methamphetamine chưa giám định hàm lượng là có cơ sở.

Tòa án cấp sơ thẩm quy kết trách nhiệm hình sự cho bị cáo T trên số thu giữ của bị cáo 3.651,946 gam hàm lượng chỉ bằng 2.359,3044 gam để xử phạt đối với bị cáo là không đúng, nên chấp nhận theo kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định bị cáo T có hành vi mua bán đến 4.232,4079 gam là Methamphetamine (xác định được tinh chất bằng 2.483,8175 gam/3.828,286 gam thu giữ), số còn lại các bị cáo đã bán chưa xác định được tinh chất), hành vi phạm tội của bị cáo T thuộc khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 được thi hành từ ngày 01/01/2018 có khung hình phạt từ 20 năm tù, tù chung thân hoặc bị xử tử hình. Theo Nghị quyết số 01/2001/NQ-NQTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Điều luật về tội mua bán chất ma túy mà chất ma túy ở thể rắn có số lượng từ 2.500 gam trở lên thì phải tử hình. Bị cáo phạm tội nếu cộng số ma túy tinh chất thu giữ 2.483,8175 gam cộng với số ma túy mà bị cáo đã bán thì thuộc khối lượng đến mức phải xử phạt án tử hình, nhưng xét gia đình bị cáo có công với cách mạng, có một người anh là liệt sỹ, một người anh là thương binh vì thương tật bị bệnh chết, gia đình của bị cáo cũng nhận thức được trách nhiệm nên đã nộp phạt xong 100 triệu đồng. Hội đồng xét xử chiếu cố, giữ y án sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng đối với người phạm tội, nên không chấp nhận theo kháng nghị và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Đức T.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Đức T đề nghị giữ y án sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo T đề nghị nêu phù hợp với nhận định trên nên được ghi nhận.

- Đối với bị cáo Vũ Xuân N: Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo có hành vi mua bán chất ma túy như: bán cho Lê Đức T 4.291,9679 gam, thu giữ của bị cáo là 232,70 gam, tổng cộng là 4.465,7078 gam Methamphetamine. Viện kiểm sát truy tố 4.373,14 gam chất Methamphetamine là có lợi cho bị cáo.

Theo hồ sơ vụ án thể hiện: Bị cáo Vũ Xuân N bán cho Lê Đức T 3 lần và gởi bán 1 kg chất ma túy đá cộng lại với số lượng là 4.291,9679 gam và kết quả thu giữ của bị cáo N là 232,70 gam (nếu cộng 4.291,9679 + 232,70 thì bằng 4.524,6679 gam), nếu tính trên cơ sở thu giữ của các bị cáo như: N 232,70 gam, T

3.651,946 gam, M99,8200 gam, H 76,520 gam thì bằng 4.060,986 gam chưa kể số lượng 130,89 gam có nguồn gốc N bán cho T, T bán lại cho Mvà H mà Mvà H đã bán, cũng như chưa kể số lượng ma túy mà T mua của N, T, O2 bán lại cho T7, H, V, T8, U…. Đối với số lượng thu giữ của 4 bị cáo nêu trên có nguồn gốc từ N đã bán = 4.060,986 gam – Qua giám định với tinh chất là 2.653,3505 là Methamphetamine (gồm thu giữ của N 232,70 gam hàm lượng 72% = 167,544 gam tinh chất). T 3.651,946 gam hàm lượng tinh chất bằng 2.359,3044 gam; M99,8200 gam hàm lượng 71,01% = 70,8821 gam tinh chất, H 76,520 gam hàm lượng 70,0733% = 53,620 gam là tinh chất MA). Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Vũ Xuân N có hành vi mua bán có khối lượng tinh chất bằng 2.526,7584 gam MA mà không xác định tổng số lượng ma túy mà bị cáo N có hành vi mua bán là không đúng. Do bị cáo Vũ Xuân N có hành vi mua bán chất ma túy với khối lượng lớn đến 4.373,14 gam với kết quả thu giữ 4.060,986 gam giám định tinh chất là 2.651,3505 gam tinh chất MA. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo tù chung thân là không đúng theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2001/NQ-NQTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn, nên cần phải chấp nhận theo kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng như theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại Tòa là xử tăng hình phạt đối với bị cáo Vũ Xuân N lên án tử hình.

- Bị cáo Vũ Xuân N kháng cáo xin giảm án, tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo cho rằng không có bán ma túy cho bị cáo Lê Đức T; nhưng theo lời khai của Lê Đức T thì số ma túy bị cáo bị bắt thu giữ nêu trên bị cáo mua của Vũ Xuân N, phù hợp với lời khai của Vũ Xuân N tại cơ quan điều tra nên không chấp nhận theo kháng cáo của bị cáo Vũ Xuân N.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thế M, bị cáo khai 4 lần mua ma túy của Lê Đức T (1 lần 5 gam; 01 lần 2,5 gam; 01 lần 50 gam mua dùm cho Minh, Minh không nhận trả lại cho T và lần mua 2 bịt ma túy đá của T thì bị bắt. Tang vật thu giữ của Mcó khối lượng là 99,8200 gam, giám định gồm 6.12.1017 gam có hàm lượng 71,01% = 70,8821 gam là tinh chất Methamphetamine (MA). Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Nguyễn Thế M có hành vi mua bán đến 157,32 gam MDMA qua tang vật thu giữ có khối lượng là 99,8200 gam.

Tại Tòa bị cáo khai rằng có trả lại cho Lê Đức T 50 gam mua dùm cho tên Minh mà Minh không nhận. Bị cáo T xác định không rõ bị cáo Mcó trả lại 50 gam này hay không, nếu bị cáo có trả lại 50 gam này thì số lượng bị cáo mua bán này còn là 107,32 gam (157,32 – 50 = 107,32 gam) nên bị cáo phạm tội rơi vào khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Do bị cáo phạm tội lần này là tái phạm nguy hiểm nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 17 năm tù là thỏa đáng, nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo Nguyễn Thế M.

- Đối với bị cáo Đào Mạnh H: Bị cáo H mua ma túy cho bị cáo T bán 2 lần = 150 gam, mua Heroin của người khác bán = 22,6982 gam và 6,5345 gam cần sa.

Tang vật thu giữ của bị cáo H qua giám định có khối lượng là 76,520 gam, qua giám định ngày 06/12/2017 hàm lượng thu giữ 3 loại bình quân là 70,0733% = 53,620 gam là tinh chất Methamphetamine (MA); 22,6982 gam là Heroin và 6,5345 gam là cần sa.

Do bị cáo Đào Mạnh H phạm tội nhiều lần rơi vào tình tiết tăng nặng điểm g khoản 1 Điều 48 Bọ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 15 năm tù là xử ở mức khởi điểm của khung hình phạt.

Tại phiên tòa hôm nay gia đình bị cáo có xuất trình được cả cha, mẹ của bị cáo như: Ông Đào Trọng X được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng, huân chương kháng chiến hạn nhì; bà Đinh Thị T5 mẹ bị cáo cũng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy án sơ thẩm xử phạt bị cáo 15 năm tù là nhẹ nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo Đào Mạnh H.

- Luật sư bào chữa cho 2 bị cáo M và H đề nghị giảm án cho 2 bị cáo. Đề nghị của luật sư không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

- Ngày 10/8/2017 gia đình bị cáo T có nộp tại cơ quan thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh 100 triệu đồng (nộp phạt theo bản án sơ thẩm xử) số tiền này sẽ được khấu trừ cho bị cáo phần nộp phạt theo án sơ thẩm xử ở giai đoạn Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Lê Đức T.

- Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xử tăng hình phạt đối với bị cáo Vũ Xuân N.

- Áp dụng Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm c khoản 4 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

1/ Xử phạt bị cáo Vũ Xuân N tử hình về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", bị cáo bị bắt giam ngày 29/10/2014, tiếp tục tạm giam bị cáo theo lệnh giam ngày 06/6/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo xin giảm án của 3 bị cáo Vũ Xuân N, Nguyễn Thế M và Đào Mạnh H cũng như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị xử tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Đức T.

- Áp dụng điểm c khoản 4 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 và Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015.

2/ Xử phạt bị cáo Lê Đức T tù chung thân về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2014.

- Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015.

3/ Phạt bị cáo Nguyễn Thế M 17 (mười bảy) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2014.

- Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015.

4/ Phạt bị cáo Đào Mạnh H 15 (mười lăm) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2014.

- Tiếp tục giam các bị cáo Nguyễn Thế M, Lê Đức T, Đào Mạnh H theo các lệnh giam ngày 06/6/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Các bị cáo Vũ Xuân N, Nguyễn Thế M, Đào Mạnh H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo Lê Đức T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

- Báo cho bị cáo Vũ Xuân N biết trong hạn 7 ngày kể từ ngày hôm nay 06/6/2018 bị cáo được quyền làm đơn gửi đến Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để xin Chủ tịch nước ân giảm án tử hình cho bị cáo.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 06/6/2018.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Đức Phương **Trần Văn Mười** **Tô Chánh Trung**